

*

Số 03-QĐ/HU

QUY ĐỊNH

Về kiểm tra, giám sát việc kê khai tài sản của cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Huyện ủy quản lý

Căn cứ Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;

Căn cứ Quy định số 30-QĐ/TW, ngày 26/7/2016 của Ban Chấp hành Trung ương quy định thi hành Chương VII và Chương VIII Điều lệ Đảng về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật Đảng;

Căn cứ Quy định 02-QĐ/TU, ngày 18/7/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về kiểm tra, giám sát việc kê khai tài sản của cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý;

Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ Huyện khóa X, nhiệm kỳ 2015 -2020;

Ban Thường vụ Huyện ủy quy định về kiểm tra, giám sát việc kê khai tài sản của cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Huyện ủy quản lý như sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng

Quy định này quy định về kiểm tra, giám sát việc kê khai tài sản đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Huyện ủy quản lý (theo Quy định về phân cấp quản lý cán bộ của Ban Thường vụ Tỉnh ủy) và cán bộ phải kê khai tài sản theo Nghị định số 78/2013/NĐ-CP ngày 17/7/2013 của Chính phủ và Thông tư 08/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ (về Hướng dẫn thi hành các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập).

Điều 2. Mục đích

Kiểm tra, giám sát việc kê khai tài sản nhằm bảo đảm việc thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của Đảng, Nhà nước về kê khai tài sản; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh và xử lý các khuyết điểm, vi phạm trong việc kê khai tài sản của cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Huyện ủy quản lý; góp phần phòng ngừa, phát hiện và xử lý tham nhũng.

Điều 3. Nguyên tắc

1. Công tác kiểm tra, giám sát việc kê khai tài sản của cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Huyện ủy quản lý chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Thường vụ Huyện ủy.

2. Kiểm tra, giám sát việc kê khai tài sản phải thực hiện đúng các quy định của Đảng về công tác kiểm tra, giám sát.

3. Mọi vi phạm trong việc kê khai tài sản phải được xem xét, xử lý theo quy định của Đảng và Nhà nước.

Chương II

KIỂM TRA, GIÁM SÁT VIỆC KÊ KHAI TÀI SẢN

Điều 4. Chủ thể kiểm tra

1. Ban Thường vụ Huyện ủy.
2. Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy.

Điều 5. Chủ thể giám sát

1. Ban Thường vụ Huyện ủy.
2. Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy.
3. Chi bộ nơi cán bộ đang sinh hoạt.

Điều 6. Đối tượng kiểm tra, giám sát

Cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Huyện ủy quản lý; cán bộ thuộc diện phải kê khai tài sản theo theo Nghị định số 78/2013/NĐ-CP ngày 17/7/2013 của Chính phủ và Thông tư 08/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ .

Điều 7. Trách nhiệm và quyền hạn của chủ thể kiểm tra

1. Ban hành quyết định, kế hoạch kiểm tra việc kê khai tài sản.
2. Yêu cầu đối tượng kiểm tra cung cấp thông tin, báo cáo, giải trình về việc kê khai tài sản, biến động tài sản và giải trình nguồn gốc tài sản tăng thêm.
3. Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp thông tin, hồ sơ, tài liệu liên quan đến tài sản, thu nhập của cán bộ được kiểm tra.
4. Xác minh, kết luận về sự trung thực, đầy đủ, rõ ràng, kịp thời của việc kê khai tài sản và biến động tài sản phải kê khai; tính xác thực, hợp pháp về nguồn gốc của tài sản tăng thêm.
5. Xử lý hoặc kiến nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xem xét, xử lý các hành vi vi phạm trong việc kê khai tài sản của cán bộ theo quy định.
6. Thực hiện trách nhiệm và quyền của chủ thể kiểm tra theo quy định của Đảng.

Điều 8. Trách nhiệm và quyền của chủ thể giám sát

1. Ban hành quyết định, kế hoạch về giám sát việc kê khai tài sản theo quy định.
2. Yêu cầu đối tượng giám sát cung cấp thông tin, báo cáo, giải trình về việc kê khai tài sản, biến động tài sản và nguồn gốc của tài sản tăng thêm.
3. Xử lý hoặc báo cáo kết quả giám sát, kiến nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền xử lý theo quy định.
4. Thực hiện trách nhiệm và quyền của chủ thể giám sát theo quy định của Đảng.

Điều 9. Trách nhiệm và quyền của đối tượng kiểm tra, giám sát

1. Báo cáo đầy đủ, trung thực, kịp thời về việc kê khai tài sản theo yêu cầu của chủ thể kiểm tra, giám sát.
2. Giải trình, cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc kê khai tài sản, biến động tài sản và nguồn gốc của tài sản tăng thêm.
3. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Đảng về công tác kiểm tra, giám sát và các quyết định xử lý vi phạm của cơ quan có thẩm quyền.
4. Thực hiện trách nhiệm và quyền của đối tượng kiểm tra, giám sát theo quy định của Đảng.

Điều 10. Trách nhiệm và quyền của tổ chức, cá nhân có liên quan

Các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện trách nhiệm và quyền của mình theo đúng các quy định của Đảng về công tác kiểm tra, giám sát.

Điều 11. Căn cứ kiểm tra, giám sát việc kê khai tài sản

1. Khi có kế hoạch, yêu cầu của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.
2. Khi có kiến nghị, phản ánh, tố cáo có căn cứ về việc kê khai tài sản không trung thực.
3. Khi cán bộ có dấu hiệu vi phạm quy định của Đảng và Nhà nước về kê khai tài sản.

Điều 12. Nội dung kiểm tra, giám sát việc kê khai tài sản

1. Việc thực hiện các quy định về kê khai tài sản, biến động tài sản hằng năm thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của cán bộ thuộc đối tượng kiểm tra, giám sát, của vợ hoặc chồng và con chưa thành niên.
2. Việc giải trình về biến động tài sản và nguồn gốc của tài sản tăng thêm.

Điều 13. Trình tự, thủ tục kiểm tra, giám sát kê khai tài sản

Trình tự, thủ tục kiểm tra, giám sát việc kê khai tài sản được thực hiện theo quy định của Đảng.

Chương III

CÁC VI PHẠM VÀ VIỆC XỬ LÝ VI PHẠM VỀ KÊ KHAI TÀI SẢN

Điều 14. Các vi phạm về kê khai tài sản

a. Các vi phạm quy định về kê khai tài sản:

- a. Không kê khai, kê khai không trung thực, kê khai không đúng quy định.
- b. Giải trình về biến động tài sản và nguồn gốc tài sản tăng thêm: Không giải trình, giải trình không trung thực, không đầy đủ, không kịp thời theo quy định và yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

2. Các vi phạm trong quá trình kiểm tra, giám sát về kê khai tài sản:

- a. Đối với đối tượng kiểm tra, giám sát và các cơ quan, tổ chức có liên quan: Không chấp hành yêu cầu của chủ thể kiểm tra, giám sát và có hành vi cản trở, bất hợp tác trong quá trình kiểm tra, giám sát việc kê khai tài sản; sửa chữa, bổ sung, giả mạo về hồ sơ, thông tin, tài liệu liên quan đến tài sản, biến

động tài sản và nguồn gốc tài sản của bản thân và gia đình; gây áp lực, mua chuộc tổ chức, cá nhân đang thực hiện công tác kiểm tra, giám sát việc kê khai tài sản; cung cấp thông tin, tài liệu nhằm làm sai lệch kết quả giám sát, kết luận kiểm tra việc kê khai tài sản.

b. Đối với chủ thể kiểm tra, giám sát: Làm lộ thông tin về tài sản đối tượng kiểm tra, giám sát; làm sai lệch hồ sơ kiểm tra, giám sát việc kê khai tài sản; nhận xét, kết luận thiếu căn cứ, không khách quan trong quá trình kiểm tra, giám sát.

Điều 15. Việc xử lý vi phạm về kê khai tài sản

Việc xử lý vi phạm trong việc kê khai tài sản được thực hiện theo quy định của Đảng và Nhà nước.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan tham mưu, giúp việc của Huyện ủy hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, báo cáo kết quả việc thực hiện Quy định này; định kỳ gắn với sơ kết, tổng kết công tác kiểm tra, giám sát để sơ kết, tổng kết việc thực hiện Quy định, báo cáo và đề nghị Ban Thường vụ Huyện ủy xem xét, bổ sung, sửa đổi Quy định khi cần thiết.

Các cấp ủy Đảng, Ủy ban Kiểm tra các Đảng ủy, các tổ chức cơ sở đảng căn cứ thẩm quyền được quy định tại Điều 4, Điều 5, Điều 6 Quy định này để tổ chức thực hiện.

Quy định này có hiệu lực từ ngày ký và được phổ biến đến chi bộ để thực hiện./.

Nơi nhận: *nh*

- BTV Tỉnh ủy - B/c ;
- UBKT Tỉnh ủy - B/c;
- UV BTV HU - T/h;
- Các tổ chức đảng - T/h;
- Các Ban Đảng HU;
- VPHU - T/h;
- Lưu VPHU - UBKT HU.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ**



Nguyễn Duy Hải